| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN AN LÃO**<br>**THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 65/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày 25-10-2018<br>V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Nhạn.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Trần Thị Thanh;

Bà Phạm Thị Vĩnh.

***- T ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng:*** Ông Phan Xuân Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 153/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1363/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1496/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phan Thị H, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Thôn N, xã A, huyện A, thành phố Hải phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Thanh T, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Thanh T xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã

Thái Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh chị sống tại nhà bố mẹ anh T ở Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Thời gian đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Trong quá trình chung sống đến năm 2016 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không tu chí gia đình, không chịu lao động giúp đỡ vợ con, anh T chơi bời nghiện ma túy đá và nghiện chơi game thông ngày đêm. Chị nhiều lần đi tìm về vợ chồng cãi nhau, anh T khóa trái cửa đánh chị, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Mâu thuẫn được hai bên gia đình khuyên can, hòa giải nhưng anh T không thay đổi cách sống đến tháng 4 năm 2018 chị về nhà bố mẹ đẻ ở xã A ở và sống ly thân với anh T. Chị xét thấy không còn tình cảm với anh T chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Thanh T.

Về con chung: Chị và anh Bùi Thanh T có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012 và Bùi Diệu L, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2014. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con Bùi Diệu L, chị nhường anh T nuôi con Bùi Anh T, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Trong quá trình chờ tòa án giải quyết anh T nuôi con Bùi Anh T nhưng thực tế anh T không có trách nhiệm với con mà chủ yếu bố mẹ anh T chăm sóc cháu nên chị đón con Bùi Anh T về nuôi. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cả 02 con và chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh Bùi Thanh T không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của anh Bùi Thanh T thể hiện: Anh nhất trí với lời khai của chị Phan Thị H về thời gian và điều kiện kết hôn. Vợ chồng chung sống có 02 con chung, trong quá trình chung đến năm 2015 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do chị H cài mật khẩu điện thoại, nhắn tin với người khác anh nói chị H không nghe, anh nhiều lần đập điện thoại của chị H. Vợ chồng mâu thuẫn anh buồn chán có sử dụng ma túy đá và anh có đánh chị H, chị H nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ. Tháng 3 năm 2018 vợ chồng mâu thuẫn anh có khóa trái cửa đánh chị H, chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã A, anh đã nhiều lần đến xin lỗi và tìm nhưng chị H không về chung sống với anh. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh, anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh đề nghị tòa án giải quyết cho vợ chồng anh đoàn tụ với nhau.

Về con chung: Anh T nhất trí với chị H, vợ chồng có 02 con chung họ, tên, tuổi các con như chị H trình bày. Anh xin đoàn tụ vợ chồng nuôi con. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn anh, anh nhường chị H nuôi cả 02 con và anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con tự nguyện.

Về tài sản chung, công nợ: Anh T trình bày anh và chị H không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên

tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Phan Thị H có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Bùi Thanh T đã nhận thông báo thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Phan Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Bùi Thanh T không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phan Thị H được ly hôn anh Bùi Thanh T; về con chung: Giao cho chị Phan Thị H nuôi 02 con Bùi Anh T, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012 và Bùi Diệu L, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2014, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Thanh T; về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phan Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là anh Bùi Thanh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Bùi Thanh T.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị H và anh Bùi Thanh T xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 11 năm 2012 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh T là người chồng sống không tu chí gia đình, nghiện chơi game và sử dụng ma túy đá, vợ chồng mâu thuẫn anh T đánh chị H, chị H nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ, anh T đến xin lỗi và tìm chị H về chung sống nhưng chỉ được thời gian. Do anh T không thay đổi cách sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2018 chị H về nhà bố mẹ đẻ ở xã An Thọ, huyện An

Lão và sống ly thân với anh T. Chị H xin ly hôn anh T, anh T xin đoàn tụ nhưng anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào các tài liệu xác minh cho thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Bùi Anh T, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012 và Bùi Diệu L, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2014. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi các con. Xét hiện nay chị H có việc làm, có thu nhập và có nơi ở cùng với bố mẹ chị đảm bảo việc nuôi 02 con. Anh T hiện nay không có việc làm ổn định, không có thu thập đảm bảo nuôi con nên chị H đề nghị nuôi 02 con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

T xử:

1. Chị Phan Thị H được ly hôn anh Bùi Thanh T.

2. Về con chung: Giao con Bùi Anh T, sinh ngày 27 tháng 10 năm 2012 và Bùi Diệu L, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2014 cho chị Phan Thị H nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Thanh T.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016899

ngày 29 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Phan Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm, anh Bùi Thanh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***
- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Nhạn**